

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15-05-2026

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Nhân.

Ông Đỗ Trọng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 239/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 645/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1994; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Khu V, phường P, thành phố Cần Thơ.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Minh Nhật T, sinh năm 1990; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Khu V, phường P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- **Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, trong Đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương L trình bày:** Anh chị qua thời gian tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc hôn nhân của anh chị có hạnh phúc về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cự cãi, anh T thường xuyên uống rượu và hành hung

chị. Nay xét thấy hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung: có 02 con chung tên: Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/11/2014 và Phạm Nguyễn Gia L1, sinh ngày 02/12/2020. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và cháu L1 đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung là không có.

- Bị đơn anh Phạm Minh Nhật T có đơn xin vắng mặt, trong bản tự khai anh T trình bày: anh chị qua tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cự cãi. Nay anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị L. Về con chung: có 02 con chung tên: Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/11/2014 và Phạm Nguyễn Gia L1, sinh ngày 02/12/2020. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu B và cháu L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành theo nguyện vọng của cháu, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, trong bản tự khai chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/11/2014 và Phạm Nguyễn Gia L1, sinh ngày 02/12/2020 đến khi trưởng thành. Anh T có đơn xin vắng mặt, trong bản tự khai anh T thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị L, thống nhất giao cháu Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/11/2014 và Phạm Nguyễn Gia L1, sinh ngày 02/12/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung cả hai xác định là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương L có Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Minh Nhật T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Loại tranh chấp này thuộc ngành Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh. Do bị đơn có nơi cư trú tại phường P, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ theo Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: do nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T là phù hợp.

[3] Xét thấy giữa chị L và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên bạo hành chị L dẫn đến phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh chị đã sống ly thân nhau. Nay hôn nhân của anh chị không hạnh phúc nên chị L có Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử thấy rằng khi hôn nhân của chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn, hai bên không có động thái tích cực hàn gắn nên nếu duy trì hôn nhân thì mục đích hôn nhân vẫn không đạt được nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/11/2014 và Phạm Nguyễn Gia L1, sinh ngày 02/12/2020. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao cháu B và cháu L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: không có.

[6] Về nợ chung: không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 273, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương L ly hôn với anh Phạm Minh Nhật T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/11/2014 và Phạm Nguyễn Gia L1, sinh ngày 02/12/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0005623 ngày 30/03/2026 của Phòng Thi hành án dân sự quận Khu vực 2, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Nhân Đỗ Trọng Tuấn

Trần Thị Phương Anh

